TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Số: 896/2024/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quận 12, ngày 07 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 494/2024/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Tân B, sinh năm 1978
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Số D, Tổ C, khu phố G, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Phạm Tân B và bà Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Nam Định vào ngày 30/11/2006 theo giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 03/2006 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng không còn hoà hợp, đã cố gắn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chúng tôi đã ly thân từ tháng 9/2023. Nay ông B và bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm Tân B và bà Nguyễn Thị L xác định có 02 (hai) con chung tên Phạm Thị Anh T, sinh ngày 18/3/2006 và Phạm Nguyên B, sinh ngày 02/12/2015.

Trẻ Phạm Thị Anh T đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Hai bên thoả thuận bà Nguyễn Thị L người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nguyên B và ông Phạm Tân B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ khi quyết định này có hiệu lực đến khi con chung tròn 18 tuổi. Các bên tự thực hiện việc cấp dưỡng hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Hai bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Phạm Tân B và bà Nguyễn Thị L mỗi người phải nộp là 150.000 (*một trăm năm mươi*) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tân B và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 03/2006 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Nam Định cấp ngày ngày 30/11/2006 không còn hiệu lực.

- Về con chung: Ông Phạm Tân B và bà Nguyễn Thị L xác định có 02 (hai) con chung tên Phạm Thị Anh T, sinh ngày 18/3/2006 và Phạm Nguyên B, sinh ngày 02/12/2015.

Trẻ Phạm Thị Anh T đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Hai bên thoả thuận bà Nguyễn Thị L người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nguyên B và ông Phạm Tân B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Phạm Tân B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông B thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn

Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ khi quyết định này có hiệu lực đến khi con chung tròn 18 tuổi. Các bên tự thực hiện việc cấp dưỡng hoặc thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Tân B thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì ông Phạm Tân B còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Hai bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Phạm Tân B và bà Nguyễn Thị L mỗi người chịu là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông B và bà L đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0022383 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B và bà L đã nộp đủ lệ phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND Quận 12;
- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS Q.12;
- UBND xã Bình Hoà, huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thảo